

Top 3 bài văn mẫu Phân tích người anh hùng thời Trần trong bài Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

### ***Phân tích người anh hùng thời Trần trong bài Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1***

Phạm Ngũ Lão xuất thân bình dân nhưng có tài kiêm văn võ. Tương truyền, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn trẩy quân dẹp giặc Nguyên – Mông đã gặp ông. Bấy giờ Phạm Ngũ Lão đang ngồi giữa đường đan sọt. Quân lính của Vương quát dẹp đường, ông vẫn không nghe thấy, lấy giáo đâm vào đùi chảy máu mới sực tỉnh. Bởi Phạm đang mải nghĩ tới “nợ công danh”, đem tài năng của mình ra thi thố dẹp giặc giúp nước. Được Hưng Đạo Vương thu nhận làm tì tướng, Phạm tỏ rõ tài năng, lập nhiều công trạng, là một trong những người anh hùng lừng lẫy thời Trần.

Thuật hoài là bài thơ tỏ lòng. Thơ tỏ lòng dưới các tên thuật hoài, ngôn chí, cảm hoài là lối thơ quen thuộc xưa. Nó tập trung bày tỏ chí hướng, khí phách của “chí làm trai”. Ấy là cái “nợ công danh”, cái nợ lập thân với nước, với vua để tự khẳng định mình.

Người chinh phụ trong Chinh phụ ngâm từng tuyên ngôn: “Chí làm trai dặm nghìn da ngựa...”, Nguyễn Công Trứ cũng nói tới “Chí anh hùng”, tỏ rõ “đã sinh ra ở trong trời đất ; phải có danh gì với núi sông”... Tuy nhiên căn cứ vào từng bài, ứng với từng người, từng thời, tác phẩm có thể chỉ là một kiểu cách sách vở, nói cho có “khẩu khí” vậy thôi. Một số khác thoát nhìn cũng nằm trong khuôn khổ này nhưng chính là tâm sự thật, là niềm day dứt máu thịt, là khát vọng sống cao đẹp của một con người, một thế hệ ở thời đại mình. Vì thế, hình ảnh và khí phách của nhân vật trữ tình trong những tác phẩm cũng rất khác nhau, tạo nên ở người đọc sự rung cảm khác nhau. Chẳng hạn ở Đặng Dung (người cuối triều Trần) là vẻ bi tráng: “Thù nước chưa xong đầu vội bạc; Mấy độ mài gươm dưới bóng trăng”. Nguyễn Công Trứ là sự cao ngạo nhưng xót xa thân phận, dẫu là thân phận anh hùng.

Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão – Chàng nam tử trong bài thơ này đặt trong hệ thống “tỏ lòng” có một vẻ đẹp, khí phách riêng. Đây chính là cái lẽ làm bài thơ qua ngàn năm vẫn tồn tại, xúc động lòng người.

Điểm thứ nhất, bài thơ không phải là khẩu khí của một người mà là khẩu khí của cả một thời đại. Thời đại “Hào khí Đông A”. Bằng cách này, cách khác nhiều người trong thời Trần lúc bấy giờ đã nói như thế. Trần Thủ Độ: “Nếu bệ hạ muốn

hàng thì trước hết phải chém đầu thân đã”. Trần Quang Khải: “Chương Dương giáo giặc; Hàm tử bắt quân thù”. Trần Nhân Tông:

“Xã tắc hai phen bon ngựa đá;

Non sông nghìn thừa vững âu vàng”.

Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão là một tiếng nói, không phải tiếng nói của chủ soái mà tiếng nói của một người, của thế hệ tuổi trẻ sống trong sự nghiệp chống ngoại xâm, muốn đóng góp sức mình, để lại tuổi tên trong sự nghiệp ấy.

Điểm thứ hai, chí khí, khát vọng công danh của Phạm Ngũ Lão cất lên qua bài thơ là sự thúc dục từ sự nghiệp chung, oai hùng lừng lẫy. Nó được minh chứng bằng chiến công của chính bản thân ông. Đó không phải là thứ “khẩu khí hảo”, tỏ lòng theo công thức. Sự hoà hợp, tương ứng giữa thời đại và cá nhân làm cho bài thơ hùng tráng mà chân thực.

Múa giáo non sông trải mấy thu

Ba quân khí mạnh suốt sao ngưu.

Dẫu được hiểu “cầm ngang ngọn giáo trấn giữ đất nước vừa mấy thu; ba quân dũng mãnh như hổ báo, khí thế nuốt được cả trâu” hay “nuốt sao Ngưu” thì câu thơ cũng đều muốn dựng lại bối cảnh, hiện thực xã hội rộng lớn. Đó là hình ảnh, là bức tranh hoành tráng của sự nghiệp đánh giặc thời Trần. Phân tích bức tranh này, chúng ta thấy có nhiều tầng hình ảnh với cách thức “dựng tranh” rất nghệ thuật.

Cả hai câu thơ đầu này là cái nền rộng: hào khí đánh giặc của một dân tộc trong đó có người chiến sĩ và có cả đoàn quân. Hào khí ấy được tập trung miêu tả ở hình ảnh tiêu biểu nhất, thể hiện khí phách anh hùng nhất “múa giáo”. “Múa giáo non sông trải mấy thu – Ba quân Như vậy, cả “ba quân” cùng múa giáo, cùng ra trận. Song thu lại thành điểm là hành động của người chiến sĩ. Câu thơ dựng lên trước mắt ta hình ảnh “một tráng sĩ múa gươm” xung trận trên cái nền “ba quân dậy hào khí giết giặc” kia. Câu thơ từ “điểm” mở rộng ra. Hoặc ngược lại, mở ra rất rộng, thu hẹp dần rồi thu thành một “điểm” (Tráng sĩ anh hùng – đội quân tráng sĩ – Ba quân, dân tộc hoặc Ba quân, dân tộc – đội quân tráng sĩ – tráng sĩ anh hùng) khiến cho chỉ hai câu thơ mà trường diễn tả rất rộng, trường cảm xúc rất mãnh liệt, sâu sắc. Câu thơ tượng trưng nhưng lại rất thực. Cái thực của thời đại ở thế hệ trẻ tuổi, ở mỗi cá nhân.

Hai câu thơ cuối cùng, hình ảnh Người tráng sĩ không còn hiện lên “trông thấy nữa”. Nó được biểu hiện qua tâm sự, suy nghĩ:

Công danh nam tử còn vương nợ

Luống then tai nghe chuyện Vũ hầu.

Ở đây có một quan niệm nhân sinh quen thuộc của những con người có chí khí thời phong kiến. Làm thân con trai cái nợ công danh là cái nợ phải trả. Công danh là sự nghiệp và tiếng thơm. Nó còn tỏ rõ sự phân biệt nam – nữ trong đó, song không phải là tiêu cực. Khi một thế hệ “lo” những điều như thế. Và nợ công danh có một khuôn mẫu mà học theo, vươn tới: gương Vũ hầu – Gia Cát Lượng.

Trên cái nghĩa chung này là hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của Phạm Ngũ Lão. Với nhà thơ – người anh hùng họ Phạm, công danh – chí làm trai – gắn với sự đóng góp, xả thân cao nhất, ích lợi nhất, nhiều nhất cho đất nước, dân tộc trong công cuộc bảo vệ đất nước. Nỗi niềm canh cánh ấy, cái “then” ấy làm cho con người vươn tới những cái cao đẹp, anh hùng. Nó cũng là sự khích lệ, một tuyên ngôn cho thế hệ và thời đại. Hai câu thơ do vậy có vẻ đẹp của khát vọng lập công, đóng góp, hy sinh cho dân tộc đất nước.

Bài thơ 4 câu 28 chữ đã dựng lên hào khí của cả một thời đại, một thế hệ và một con người. Nó là sự thể hiện cảm hứng yêu nước, chủ nghĩa yêu nước mãnh liệt. Dung lượng nhỏ nhưng sức bao quát, hàm chứa trong đó thật lớn lao. Đây là bài thơ điển hình về nội dung, về hình thức của văn học trung đại.

### ***Văn mẫu lớp 10 Phân tích người anh hùng thời Trần trong bài Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão mẫu 2***

Phạm Ngũ Lão (1255-1320), là một vị tướng tài dưới triều Trần, từng đóng góp rất nhiều công lao trong cả hai cuộc kháng chiến chống quân Mông-Nguyên xâm lược. Khi còn tại thế ông đã từng giữ đến chức Điện súy, phong tước quan nội hầu, đương thời ông chỉ xếp sau cha vợ mình là Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn - vị tướng vĩ đại nhất lịch sử phong kiến nước ta về danh tiếng. Tuy là con nhà võ, hàng năm quen chuyện binh đao thế nhưng Phạm Ngũ Lão cũng lại là người rất yêu thích thơ ca và được người đời khen tặng là văn võ toàn tài. Ông từng sáng tác rất nhiều bài thơ hay, thế nhưng theo dòng lịch sử đa số bị thất lạc, đến nay chỉ còn lại hai bài Tỏ lòng và Viếng thượng tướng quốc công Hưng Đạo Đại Vương. Về thi ca, trong văn học trung đại luôn nằm trong một quy phạm chung, làm thơ thì phải bao hàm chữ “chí”, trong “Văn dĩ tải đạo, thi dĩ ngôn chí”. Nghĩa rằng thơ văn thì phải truyền tải một nội dung giáo dục nào đó to lớn, và Tỏ lòng của Phạm Ngũ Lão là một trong số những bài thơ tiêu biểu nhất thể hiện cái tính quy phạm đặc trưng này của nền văn học trung đại - lời là lời giáo huấn về chí nam nhi đầy hào khí của thời Trần.

Cho đến tận ngày hôm nay vẫn chưa có một cứ liệu chính xác nào về hoàn cảnh ra đời của Tỏ lòng (Thuật hoài), nhưng theo một số suy đoán thì bài thơ được sáng tác vào năm 1284, trước khi diễn ra diễn ra cuộc kháng chiến chống quân Mông-Nguyên lần thứ hai. Lúc này Phạm Ngũ Lão được cử đi trấn giữ biên giới cùng một số tướng lĩnh khác để chuẩn bị cho chiến sự.

Phân tích Thuật hoài (Tỏ lòng) của Phạm Ngũ Lão để thấy được tinh thần, chí khí thời Trần

Ở hai câu thơ đầu Phạm Ngũ Lão đã tái hiện một cách xúc tích và ấn tượng về vẻ đẹp của con người và quân đội thời Trần.

“Hoành sóc giang sơn kháp kỷ thu,  
Tam quân tỳ hổ khí thôn Ngưu.”

Để khắc họa hình ảnh con người thời Trần, tác giả đã khéo léo dựng lên một bối cảnh không gian và thời gian rất đặc biệt, là một cái phong nền độc đáo để từ đó làm nổi bật lên vẻ đẹp của những con người sống dưới triều Trần, một triều đại nhiều bão táp mưa sa nhất lịch sử phong kiến. Về bối cảnh không gian, Phạm Ngũ Lão chọn hai chữ “giang sơn” vốn là từ ghép hợp nghĩa, ở đây tức là chỉ sông núi, từ đó mở ra trước mắt người đọc một không gian vô cùng bao la, rộng lớn và khoáng đạt, đó là không gian của cả một quốc gia, dân tộc. Bên cạnh không gian, thì bối cảnh thời gian được gợi mở bằng ba từ “kháp kỷ thu”, ý chỉ đã qua hết mấy thu rồi, trước cái cách đo đếm thời gian ấy đã gợi cho người đọc về một khoảng thời gian dài lâu, có bề dày lịch sử bền vững. Trên cái nền không gian, thời gian dài rộng ấy lại nổi bật lên hình ảnh con người trong tư thế “hoành sóc”, cầm ngang ngọn giáo để trấn giữ non sông đã qua mấy thu. Tầm vóc của con người nổi bật thông qua hình ảnh ngọn giáo dường như được đo bằng cả chiều rộng của giang sơn, chiều dài của thời gian, vô cùng hiên ngang và hùng tráng. Mang vẻ kỳ vĩ, lớn lao, sánh ngang với tầm vóc vũ trụ, đặc biệt tư thế cầm ngang ngọn giáo gợi ra cho người đọc về phẩm chất kiên cường, bền bỉ, anh dũng luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, trong nhiệm vụ trấn giữ non sông, bảo vệ đất nước như những vị thần. Điều này gợi nhắc ta về câu chuyện lịch sử, quân Mông - Nguyên mượn có mượn đường nước ta để sang đánh Chiêm Thành, nhưng thực tế âm mưu của chúng là hòng thôn tính Đại Việt. Trước sự nghi ngại, quân đội nhà Trần quyết liệt đồ âm mưu của giặc, trong sự chuẩn bị bao gồm việc cử Phạm Ngũ Lão và một số tướng lĩnh tài giỏi ra trấn giữ tại biên giới đề phòng giặc tấn công bất ngờ. Trước hoàn cảnh ấy, có lẽ ứng với hình ảnh vị tướng cầm ngang ngọn giáo, kiêu hùng canh giữ từng tấc đất của Tổ quốc là hoàn toàn hợp lý và xuất phát từ những sự kiện có thật để tạo nên cảm hứng đầy hào khí hiên ngang, mạnh mẽ trong Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão. Tản mạn một chút về câu thơ dịch “Múa giáo non sông trải mấy thu” của

Bùi Văn Nguyên, thì có lẽ rằng ý thơ chưa thực sự đạt, bởi với hai từ “múa giáo” thực tế chỉ cốt thiên về cái “mỹ”, đẹp và có chất thơ, nhưng lại thiếu đi cái chí “hùng” mà tác giả muốn biểu đạt. Còn trong bản gốc hai từ “hoành sóc” mới thực sự diễn tả đúng cái khí thế hùng tráng, hiên ngang của một vị tướng, thậm chí là biểu đạt về kiên cường, hào khí cho cả một thế hệ những con người dưới thời Trần, trước hai cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược.

Đó là hình ảnh con người thời Trần, ở câu thừa đề, tác giả đã sử dụng từ “tam quân” tức là ba quân, là đặc trưng của các tổ chức quân đội thời xưa, của các nước phương Đông bao gồm tiền quân, trung quân và hậu quân. Mà ẩn chứa sau đó là tác giả muốn nói về sức mạnh về cái sự đồng lòng của toàn quân, toàn dân tộc trong công cuộc kháng chiến. Đặc biệt để diễn tả được sức mạnh và hào khí của quân đội trong thời đại này tác giả đã sử dụng phép so sánh “Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu”. Phép so sánh này đã gợi ra cho người đọc hai cách hiểu chính, thứ nhất có thể diễn giải đơn giản theo ý trên mặt chữ rằng ba quân mạnh như hổ, như báo có thể nuốt trôi cả một con trâu lớn. Một cách hiểu thứ hai có phần văn vẻ và suy diễn nhiều hơn ấy là sức mạnh của ba quân như hổ báo, thậm chí át cả sao Ngưu đang ngự trên trời. Cách hiểu thứ hai vừa mang giá trị hiện thực vừa mang một chút cảm hứng lãng mạn hiếm có trong thi ca trung đại, gợi tạo cảm hứng sử thi anh hùng ca mạnh mẽ. Tổng kết lại sức mạnh của quân đội thời Trần được tóm gọn bằng cụm từ “hào khí Đông A”, gọi là Đông A bởi vốn hai chữ này là hai bộ thủ trong chữ Hán ghép lại thành chữ Trần.

Sau hai câu khai đề và thừa đề diễn đạt hào khí chung của dân tộc, thì đến hai câu chuyển và câu hợp là để giải thích và làm rõ ý của câu đề và của cả bài thơ. Chuyển là chuyển từ khách thể sang chủ thể là tác giả, để bày tỏ nỗi lòng, tâm tư, nguyện vọng của bản thân về chí làm trai, về món nợ công danh phải trả cho đất nước. Đồng thời câu hợp để kết lại, thể hiện sáng rõ về đẹp tâm hồn và nhân cách lớn lao của Phạm Ngũ Lão. “Nam nhi vị liễu công danh trái” ý chỉ lý tưởng, chí lớn lập công danh, thể hiện qua quan niệm, nhận thức của tác giả về món nợ công danh của kẻ làm trai. Ở đây món nợ công danh xuất phát từ quan niệm “nhập thế tích cực” của Nho giáo, khác với quan niệm “xuất thế” của Phật giáo, chủ trương lánh đời, ở ẩn, quên đi chuyện thế sự, nhiều nhưong, để tâm hồn thanh tịnh,... Thì đối với Nho giáo, con người đặc biệt là người nam nhi phải mạnh mẽ đứng giữa cuộc đời sóng gió, dùng hết tài trí sức lực của mình để cống hiến cho đời, giúp dân giúp nước. Trong đó việc ứng thí khoa cử, tham gia vào chốn quan trường chính là một trong những biểu hiện rõ rệt và phổ biến nhất của quan niệm “nhập thế tích cực”, và Phạm Ngũ Lão chính là một trong số những con người chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi quan niệm này. Quan niệm ấy đã tạo dựng nên mục đích sống, lý tưởng sống chung của các đấng nam nhi dưới thời đại này là phải lập được công danh, có sự nghiệp, tiếng thơm lưu truyền đến muôn đời. Trở thành một trong những điều

tôi cần của chí làm trai, mà trong văn học Việt Nam đã từng có rất nhiều nhà thơ đề cập đến ví như Nguyễn Công Trứ với “Chí làm trai nam bắc đông tây/Cho thỏa sức vẫy vùng trong bốn bể”. Đặt trong hoàn cảnh đất nước đương thời, quân xâm lược đang ngấp nghé bờ cõi, thì cũng là lúc để cho những kẻ làm trai có cơ hội trả món nợ công danh, ra sức giúp nước, giúp dân lập chí lớn. Người nam nhi phải từ bỏ những lối sống tầm thường, ích kỷ, vui vầy vợ con, ruộng vườn để xông pha trận mạc sẵn sàng hy sinh cho sự nghiệp cứu nước, cứu dân. Có thể nói rằng món nợ công danh trong nhận thức của Phạm Ngũ Lão vừa mang tư tưởng tích cực của thời đại vừa mang tinh thần dân tộc sâu sắc. Chính vì thế nó luôn canh cánh, trăn trở trong cõi lòng của tác giả.

Bên cạnh chí lớn làm trai cùng với quan niệm món nợ công danh trước thời cuộc, thì câu thơ cuối chính là câu thơ tỏ rõ vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao thượng của Phạm Ngũ Lão. Nhân cách cao của tác giả thể hiện qua nỗi thẹn của ông khi nghe chuyện Vũ Hầu. Vũ Hầu ở đây chính là chỉ Gia Cát Lượng, một vị quân sư lỗi lạc, một nhân vật lịch sử vĩ đại, là người cộng sự trung thành, đóng góp những công lao to lớn trong công cuộc mở mang bờ cõi của Lưu Bị - vua nước Thục trong bối cảnh tam quốc phân tranh cực gay gắt làm thành thế chân kiềng. Đứng trước con người mang tầm vóc như vậy Phạm Ngũ Lão dù rằng đã lập được rất nhiều công danh nhưng vẫn cảm thấy bản thân mình quá nhỏ bé, tựa như hạt cát giữa sa mạc mênh mông, đồng nghĩa với việc ông ý thức được rằng món nợ công danh đã trả chẳng thấm thía vào đâu, mà vẫn còn phải cố gắng trả nhiều hơn nữa thì mới xứng với phận nam nhi, xứng với Tổ quốc. Từ những biểu hiện trên ta thấy được vẻ đẹp tâm hồn của Phạm Ngũ Lão trước hết là ở ý chí nỗ lực muốn theo gương người xưa lập công danh cho xứng tầm, thứ hai ấy là lý tưởng, chí lớn mong muốn lập được công danh sánh ngang với nhân vật lịch sử lỗi lạc. Có thể nói rằng nỗi thẹn của Phạm Ngũ Lão là nỗi thẹn của một nhà nho có nhân cách lớn, cũng là nỗi thẹn của một người dân yêu nước khi mà cái họa xâm lăng vẫn đang treo lơ lửng trước mắt.

Thuật hoài đã khắc họa vẻ đẹp của người anh hùng vệ quốc hiên ngang, đồng thời cũng cho thấy sự lẫm liệt, lý tưởng và nhân cách lớn lao của con người thời Trần, từ đó khái quát hóa, ca ngợi hào khí của những con người đương thời - vẻ đẹp của hào khí Đông A. Về nghệ thuật, bài thơ có tính hàm súc, cô đọng “quý hồ tinh, bất quý hồ đa”, đồng thời bài thơ còn mang tính sử thi với những hình tượng thơ kì vĩ lớn lao đã nâng tầm vóc người anh hùng sánh ngang với tầm vóc của vũ trụ rộng lớn.

### ***Phân tích người anh hùng thời Trần trong bài Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão Văn 10 hay nhất mẫu 3***

Phạm Ngũ Lão là một danh tướng đời Trần. Tuy xuất thân từ tầng lớp bình dân song chí lớn tài cao nên ông nhanh chóng trở thành tỳ tướng số một bên cạnh Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược, Phạm Ngũ Lão cùng những tên tuổi lớn khác của triều đình đã lập nên nhiều chiến công hiển hách, góp phần quan trọng tạo nên hào khí Đông A của thời đại đó:

Ông sáng tác không nhiều nhưng Thuật hoài là một bài thơ nổi tiếng, được lưu truyền rộng rãi vì nó bày tỏ khát vọng mãnh liệt của tuổi trẻ trong xã hội phong kiến đương thời: làm trai phải trả cho xong món nợ công danh, có nghĩa là phải thực hiện đến cùng lí tưởng trung quân, ái quốc.

Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu

Tam quân tì hổ khí thôn ngưu

Nam nhi vị liễu công danh trái

Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu

Dịch thơ tiếng Việt:

Múa giáo non sông trải mấy thu

Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu

Công danh nam tử còn vương nợ

Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.

Bài thơ được sáng tác trong bối cảnh đặc biệt có một không hai của lịch sử nước nhà. Triều đại nhà Trần (1226 - 1401) là một triều đại lẫy lừng với bao nhiêu chiến công vinh quang, mấy lần quét sạch quân xâm lược Mông - Nguyên hung tàn ra khỏi bờ cõi, giữ vững sơn hà xã tắc, nêu cao truyền thống bất khuất của dân tộc Việt. Phạm Ngũ Lão sinh ra và lớn lên trong thời đại ấy nên ông sớm thấm nhuần lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc và nhất là lí tưởng sống của đạo Nho là trung quân, ái quốc. Ông ý thức rất rõ ràng về trách nhiệm công dân trước vận mệnh của đất nước: Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách.

Bài văn Phân tích bài thơ Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão để làm sáng tỏ hào khí đời Trần

Bài thơ Thuật hoài (Tỏ lòng) được làm bằng chữ Hán, theo thể thất ngôn tứ tuyệt luật Đường, niêm luật chặt chẽ, ý tứ hàm súc, hình tượng kì vĩ, âm điệu hào hùng, sảng khoái. Hai câu thơ đầu khắc họa vẻ đẹp gân guốc, lẫm liệt, tràn đầy sức sống của những trang nam nhi - chiến binh quả cảm đang xả thân vì nước, qua đó thể hiện hào khí Đông A ngút trời của quân đội nhà Trần thời ấy.

Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu (Dịch nghĩa: cầm ngang ngọn giáo gìn giữ non sông đã mấy thu); dịch thơ: Múa giáo non sông trải mấy thu. So với nguyên văn chữ Hán thì câu thơ dịch chưa lột tả được hết chất oai phong, kiêu hùng trong tư thế của người lính đang chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Hoành sóc là cầm ngang ngọn giáo, luôn ở tư thế tấn công dũng mãnh, áp đảo quân thù. Tư thế của những người chính nghĩa lòng rộng in hình trong không gian rộng lớn là giang sơn đất nước trong suốt, một thời gian dài (giang sơn kháp kỉ thu). Có thể nói đây là hình tượng chủ đạo, tượng trưng cho dân tộc Việt quật cường, không một kẻ thù nào khuất phục được. Từ hình tượng ấy, ánh hào quang của chủ nghĩa yêu nước ngời tỏa sáng. Câu thơ thứ hai: Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu. (Dịch nghĩa: khí thế của ba quân mạnh như hổ báo, át cả sao Ngưu trên trời). Dịch thơ: Ba quân hùng khí át sao Ngưu, đặc tả khí thế chiến đấu và chiến thắng không gì ngăn cản nổi của quân dân ta. Tam quân tì hổ là một ẩn dụ so sánh nghệ thuật nêu bật sức mạnh vô địch của quân ta. Khí thôn Ngưu là cách nói thậm xưng để tạo nên một hình tượng thơ kì vĩ mang tầm vũ trụ. Hai câu tứ tuyệt chỉ mười bốn chữ ngắn gọn, cô đúc nhưng đã tạc vào thời gian một bức tượng đài tuyệt đẹp về người lính quả cảm trong đạo quân Sát Thát nổi tiếng đời Trần.

Là một thành viên của đạo quân anh hùng ấy, Phạm Ngũ Lão từ một chiến binh dày dạn đã trở thành một danh tướng khi tuổi còn rất trẻ. Trong con người ông luôn sôi sục khát vọng công danh của đấng nam nhi thời loạn. Mặt tích cực của khát vọng công danh ấy chính là ý muốn được chiến đấu, cống hiến đời mình cho vua, cho nước. Như bao kẻ sĩ cùng thời, Phạm Ngũ Lão tôn thờ lí tưởng trung quân, ái quốc và quan niệm: Làm trai đứng ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông (Chí làm trai - Nguyễn Công Trứ). Bởi thế cho nên khi chưa trả hết nợ công danh thì tự lấy làm hổ thẹn:

"Nam nhi vị liễu công danh trái

Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu

(Công danh nam tử còn vương nợ



Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu).

Vũ Hầu tức Khổng Minh, một quân sư tài ba của Lưu Bị thời Tam Quốc. Nhờ mưu trí cao, Khổng Minh đã lập được công lớn, nhiều phen làm cho đôi phương khốn đốn; vì thế ông rất được Lưu Bị tin yêu. Lấy gương sáng trong lịch sử cổ kim soi mình vào đó mà so sánh, phấn đấu vươn lên cho bằng người, đó là lòng tự ái, lòng tự trọng đáng quý cần phải có ở một đấng nam nhi. Là một tùy tướng thân cận của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão luôn sát cánh bên cạnh chủ tướng, chấp nhận xông pha nơi làn tên mũi đạn, làm gương cho ba quân tướng sĩ, dồn hết tài năng, tâm huyết để tìm ra cách đánh thần kì nhất nhằm quét sạch quân xâm lược ra khỏi bờ cõi. Suy nghĩ của Phạm Ngũ Lão rất cụ thể và thiết thực; một ngày còn bóng quân thù là nợ công danh của tuổi trẻ với giang sơn xã tắc vẫn còn vương, chưa trả hết. Mà như vậy là phận sự với vua, với nước chưa tròn, khát vọng công danh chưa thỏa. Cách nghĩ, cách sống của Phạm Ngũ Lão rất tích cực, tiến bộ. ông muốn sống xứng đáng với thời đại anh hùng. Hai câu thơ sau âm hưởng khác hẳn hai câu thơ trước. Cảm xúc hào sảng ban đầu dần chuyển sang trữ tình, sâu lắng, như lời mình nói với mình cho nên âm hưởng trở nên thâm trầm, da diết.

Phạm Ngũ Lão là một võ tướng tài ba nhưng lại có một trái tim nhạy cảm của một thi nhân. Thuật hoài là bài thơ trữ tình bày tỏ được hùng tâm tráng trí và hoài bão lớn lao của tuổi trẻ đương thời. Bài thơ có tác dụng giáo dục rất sâu sắc về nhân sinh quan và lối sống tích cực đối với thanh niên mọi thời đại Thuật hoài đã làm vinh danh vị tướng trẻ văn võ song toàn Phạm Ngũ Lão.